

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản số: 08/2026/HS-ST

Ngày 20 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Dung

Bà Nguyễn Thị Lợi

Bà Lê Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 128/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:03/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T, S năm 1978; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: thôn Đ, xã T, tỉnh Ninh Bình; Số căn cước công dân: 036078017558; Ngày cấp: 14/9/2021; Nơi cấp: Bộ C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên bố: Trần Văn Q, sinh năm 1953; Họ và tên mẹ: Trần Thị T1, sinh năm 1952; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1982, đã ly hôn; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo là đảng viên Đ, sinh hoạt tại chi bộ thôn Đ, xã T, tỉnh Ninh Bình. Đã bị đình chỉ

sinh hoạt đảng theo Quyết định số 01-QĐ/UBKTĐU ngày 09/10/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã T; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/8/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh N. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Luật sư Lê Ngọc V- Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình. Luật sư có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1961; Địa chỉ: xã T huyện T, tỉnh Ninh Bình nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Ninh Bình. Bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn T làm nghề hàn cơ khí và chở vật liệu xây dựng tại địa phương, có quen biết với bà Vũ Thị L, sinh năm 1961, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình) do là hàng xóm với nhau. Khoảng tháng 8/2023, qua một lần nói chuyện với anh Nguyễn Mạnh T2, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình- là con trai bà L) thì T biết gia đình bà L mua được thửa đất số 202.1, tờ bản đồ số 1, có diện tích 1.879 m² tại thôn Đ, xã T là loại đất trồng lúa nước, gia đình bà L đang có nhu cầu muốn chuyển đổi mục đích sử dụng (thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 718905 ngày 03/8/2022 mang tên ông Nguyễn Văn T3 và bà Vũ Thị L). Tuyến nói dối anh T2 là mình có mối quan hệ quen biết với chị H và anh Đoàn Văn N1, đều trú tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (là những người do T tự nghĩ ra) làm ở Phòng tài nguyên và môi trường huyện T có thể làm sổ đỏ chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho gia đình anh T2. Buổi tối cùng ngày, anh T2 về nói chuyện với bà L rồi cả hai người đến nhà T đặt vấn đề nhờ T chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Do thời điểm này T đang nợ tiền của nhiều người nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà L. Tuyến nói dối bà L và anh T2 rằng bản thân mình có mối quan hệ với chị H, anh N1 có thể làm được thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nếu không làm được thì T sẽ hoàn trả lại tiền, nhưng trước hết T phải hỏi xem chị H có đồng ý giúp hay không rồi sẽ thông tin lại. Bà L đưa cho T 5.000.000đ để đi gặp gỡ đặt vấn đề nhờ chị H làm ở Phòng tài nguyên và môi trường huyện T làm giúp thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Khoảng một tuần sau, T vào nhà bà L thông báo có thể chuyển đổi mục đích sử dụng đất với giá 700.000đ/m² thì bà L đồng ý nhờ Tuyến thực hiện chuyển đổi diện tích 1.050m². Tuyến yêu cầu

bà L chuyển trước 230.000.000đ để đặt cọc và hứa hẹn sau 4 tháng sẽ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chuyển đổi mục đích sử dụng, nên ngày 28/9/2023, bà L nhờ chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1988, trú tại xã Đ, huyện G (nay là xã G) thành phố Hà Nội (là con gái bà L) chuyển khoản 230.000.000đ từ tài khoản của chị T4 sang số tài khoản 0963978820 ngân hàng thương mại cổ phần Q1 mang tên Trần Văn T. Để tạo lòng tin, T yêu cầu bà L đưa cho T bản photocopy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản sao căn cước công dân của các thành viên trong gia đình. Tuyến không đưa giấy tờ cho ai để nhờ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất mà cất vào tủ của gia đình.

Đến khoảng tháng 10/2023, T tiếp tục yêu cầu bà L phải đưa 30.000.000đ để T đi nộp tiền ở Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định phục vụ cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho bà L. Bà L tiếp tục đưa cho T 30.000.000đ. Vài ngày sau T nói với bà L phải đi tiếp khách người làm giúp “sổ đỏ” nên bà L đưa tiếp cho T 5.000.000đ.

Tháng 11/2023, T yêu cầu bà L đưa 50.000.000đ để Tuyến nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện T phục vụ việc chuyển mục đích sử dụng đất cho bà L. Bà L tiếp tục đưa cho T 50.000.000đ.

Tháng 01/2024 T nói với bà L là đã được nhìn thấy “sổ đỏ” của gia đình bà L do cán bộ Phòng tài nguyên và môi trường huyện T cho xem và yêu cầu đưa tiếp 100.000.000đ để hoàn thiện việc cấp “sổ đỏ”. Bà L đưa tiền cho T và đề nghị được gặp người làm giúp “sổ đỏ” để cảm ơn thì T nói để T cảm ơn hộ. Bà L tin tưởng đưa thêm cho T 5.000.000đ để nhờ T cảm ơn người làm “sổ đỏ”.

Tháng 7/2024, T tiếp tục nói dối bà L là đã nhìn thấy sổ đỏ nhưng chưa được đóng dấu, chị H đang đi công tác miền N nên chưa lấy được sổ và yêu cầu bà L phải đưa thêm 150.000.000đ để T đưa cho chị H thì mới lấy được “sổ đỏ” về. Bà L tin tưởng đưa cho T số tiền trên. Đến khoảng tháng 11/2024, T nói bên làm “sổ đỏ” yêu cầu nộp thêm 100.000.000đ nhưng do lúc này bà L nghi ngờ T không có khả năng làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho mình nên không đưa tiền cho T nữa, thì T nói sẽ cho bà L vay số tiền này (nghĩa là T sẽ ứng ra 100.000.000đ để đưa cho người làm “sổ đỏ”) nhưng bà L không đồng ý.

Như vậy, tổng số tiền bà L đã đưa cho T là 575.000.000đ. Sau khi nhận tiền và giấy tờ của bà L, T không nhờ ai và cũng không làm bất cứ thủ tục nào để chuyển mục đích sử dụng đất cho bà L. Toàn bộ số tiền này T sử dụng để trả nợ và chi tiêu

cá nhân (trong đó: chuyển khoản trả nợ cho anh Vũ Văn T5, sinh năm 1986, trú tại xã N, tỉnh Ninh Bình 25.000.000đ; chuyển khoản trả nợ cho chị Vũ Thị T6, sinh năm 1980, trú tại xã Q, tỉnh Ninh Bình 30.000.000đ; chuyển khoản 3.000.000đ cho anh Nguyễn Văn P sinh năm 1972, trú tại xã T, tỉnh Ninh Bình để nộp tiền thuê đất công ích cho gia đình T).

Khi Bà L nhiều lần thúc giục Tuyên lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (mới) về thì T nại ra nhiều lý do khác nhau, sau đó T thông báo với bà L là không làm được và sẽ yêu cầu bên làm “sổ đỏ” chuyển trả lại tiền cho bà L. Do những lần đưa tiền đều không viết giấy tờ, không có người chứng kiến, nên sau này bà L yêu cầu T viết “*Giấy giao tiền*” có nội dung là bà L 8 lần đưa cho T tổng số tiền 575.000.000đ nhằm mục đích chuyển đổi đất từ đất ruộng sang đất thổ cư. Tuyên thừa nhận và ký tên bên dưới mục “*người nhận tiền*”.

Ngày 03/4/2025, bà L đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N (nay là Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N) tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trần Văn T. Ngày 24/5/2025, sau khi biết việc bà L tố cáo hành vi của mình với Cơ quan điều tra thì T đã trả lại cho bà L 250.000.000đ.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Kết quả trưng cầu giám định:

- Ngày 20/8/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã tiến hành trưng cầu Phòng K Công an tỉnh N giám định chữ ký, chữ viết trên “*Giấy giao tiền*” do bà Vũ Thị L giao nộp.

Tại bản Kết luận giám định số 659/KL-KTHS ngày 26/8/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: “*Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định kí hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.*

Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định kí hiệu A trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “Người nhận tiền” so với chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 do cùng một người ký, viết ra”.

- Ngày 02/9/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã tiến hành trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ C giám định âm thanh, giọng nói đối với 01 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa anh Nguyễn Mạnh T2 và Trần Văn T về việc giao dịch nhờ làm chuyển

đổi mục đích sử dụng mảnh đất cho bà L được lưu trong đĩa CD do anh Nguyễn Mạnh T2 giao nộp.

Tại bản Kết luận giám định số 6707/KL-KTHS ngày 14/11/2025 của V1 Bộ C kết luận: *“1. Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong file ghi mẫu cần giám định.*

2. Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “chú” và tự xưng là “Tuyển” trong file ghi âm mẫu cần giám định (được ký hiệu Tuyển trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Trần Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

3. Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “cháu” và tự xưng là “cháu” trong file ghi âm mẫu cần giám định (được ký hiệu Tín trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Mạnh T2 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

4. Đã chuyển nội dung hội thoại trong các file ghi âm trong mẫu cần giám định thành văn bản (chi tiết thể hiện trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định kèm theo)”.

Kết quả sao kê quá trình giao dịch của tài khoản số 0963978820 mang tên Trần Văn T tại ngân hàng TMCP Q1- chi nhánh N2: ngày 28/9/2023, phát sinh giao dịch nhận 230.000.000đ từ số tài khoản 19031457022666 ngân hàng T7 với nội dung *“NGUYEN THI THU chuyen tien dat coc phi chuyen doi dat ngay 28 9”.*

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình) xác định: mảnh đất mà bà Vũ Thị L mua là đất thổ canh, không thuộc diện được chuyển đổi mục đích sử dụng. Từ trước đến nay, chưa có ai làm thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng của mảnh đất trên. Trần Văn T không nộp bất cứ một khoản tiền nào liên quan đến việc chuyển đổi mục đích sử dụng của mảnh đất trên.

Xác minh tại Chi nhánh Văn phòng Đ1 xác định: thời điểm từ năm 2023 đến hết năm 2024, Chi nhánh Văn phòng Đ1 không có đồng chí cán bộ nào có thông tin tên là N1, Huế, H1 và không có đồng chí nào có tên gần giống như vậy. Chi nhánh Văn phòng Đ1 chưa từng tiếp nhận bộ hồ sơ xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T3 và bà Vũ Thị L đối với thửa đất số 202.1; tờ bản đồ số 1, địa chỉ xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình).

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 24/5/2025, Trần Văn T đã trả lại cho bà L 250.000.000đ. Bà L yêu cầu T phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu là 325.000.000 đ.

Cáo trạng số 51/CT-VKS NB-P2 ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình truy tố Trần Văn T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 11 năm 06 tháng đến 12 năm 06 tháng tù; Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Vũ Thị L số tiền 325.000.000 đồng; Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp án phí HSST, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Luật sư Lê Ngọc V trình bày: Bị cáo T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, biết ăn năn hối cải. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường, trả lại cho gia đình bà L số tiền 250.000.000 đồng. Bị cáo Trần Văn T có nhân thân tốt, bản thân nguyên là Đảng viên, hoàn cảnh gia đình có khó khăn: Ly hôn vợ, đang một mình nuôi 02 con nhỏ. Đại diện gia đình bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ những lý do trên, căn cứ quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS. Tôi đề xuất Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt, áp dụng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (dưới 12 năm tù giam).

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024, Trần Văn T đã đưa ra các thông tin gian dối bản thân có mối quan hệ với cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Nam Định hứa hẹn làm thủ tục giúp bà Vũ Thị L chuyển đổi 1.050 m² từ đất trồng lúa nước sang đất thổ cư, bà L tin tưởng đã nhiều lần đưa cho T với tổng số tiền 575.000.000đ. Sau khi nhận tiền của bà L, T sử dụng toàn bộ số tiền này để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Hành vi nêu trên của Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo tự nguyện trả lại một phần tài sản đã chiếm đoạt cho bà Vũ Thị L số tiền 250.000.000đ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân; ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn cho xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 250.000.000 đồng đã chiếm đoạt. HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 325.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54;

Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2025.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 BLHS. Buộc Trần Văn T phải trả cho bà Vũ Thị L số tiền 325.000.000 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 16.250.000 đồng (mười sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND; VKSNDTC;
- VKND tỉnh Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

